

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 1753/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch “Thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013, Luật Trồng trọt năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Chỉ thị số 1838/CT-BNN-BVTV ngày 28/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu;

Căn cứ Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng;

Căn cứ Công văn số 6234/BNN-TT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cấp, quản lý mã số vùng trồng;

Căn cứ Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 289/TTr-SNNPTNT ngày 10/10/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch “Thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Như Điều 3;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Sở: NNPTNT, CT, KHCCN, TTTT, KHĐT, TC, TNMT; Hội Nông dân tỉnh; Liên minh HTX tỉnh;
- Tỉnh đoàn AG, Hội LHPN tỉnh;
- Báo AG, Đài PTTH AG;
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, HCTC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Minh Thúy

KẾ HOẠCH

Thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025

(Kèm Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh An Giang)

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tổ chức lại sản xuất tại các vùng trồng theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, truy xuất nguồn gốc nông sản phục vụ thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Thiết lập các vùng cây trồng chủ lực của tỉnh, thực hiện công tác cấp, quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trong lĩnh vực trồng trọt theo quy định nhằm phục vụ tiêu thụ liên kết tiêu thụ trong nước, xuất khẩu và thực hiện theo lộ trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP), tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá, giám sát, kiểm soát vật tư đầu vào, quản lý sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật tại các vùng trồng.

Nâng cao nhận thức của người sản xuất, Doanh nghiệp, Tổ hợp tác, Hợp tác xã trong việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng nông sản liên kết tiêu thụ trong nước, kiểm dịch thực vật quốc tế nông sản xuất khẩu và truy xuất nguồn gốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Diện tích cấp mã số vùng trồng đến năm 2025 đạt **115.623 ha**, trong đó: cây lúa đạt **103.668 ha** với tỷ lệ **45%** diện tích canh tác; cây ăn trái đạt **9.942 ha** với tỷ lệ **52%** diện tích canh tác và cây rau màu đạt **2.013 ha** với tỷ lệ **15%** diện tích canh tác.

- Mã số cơ sở đóng gói nông sản đến năm 2025 đạt **30 mã**.

- Tổ chức tập huấn **356 lớp** mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, các nội dung về quy định của nước nhập khẩu, điều tra, nhận diện, phòng chống sinh vật gây hại và ghi chép hồ sơ.

2. Yêu cầu

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá thực địa, cấp và quản lý, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu mã số vùng trồng phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo đúng quy định tại Hướng dẫn tạm thời cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt được ban hành kèm theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022, Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, cấp, quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện thiết lập, cấp và kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

Các vùng trồng phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022; Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngoài ra đảm bảo theo các quy định hiện hành đối với thị trường xuất khẩu, các quy định liên quan.

2. Công tác tuyên truyền và tập huấn về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

Xây dựng, phát hành bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện về mã số vùng và cơ sở đóng gói; tuyên truyền, truyền thông về việc quy định áp dụng mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói.

Tổ chức tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói.

3. Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.

4. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cấp mã số và phát triển vùng trồng và liên kết tiêu thụ, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và truy xuất nguồn gốc.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng của tỉnh.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện thiết lập, cấp và kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

1.1. Công tác thiết lập vùng trồng và cơ sở đóng gói

- Các vùng trồng phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022; Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo các quy định liên quan.

- Đối với các mã số vùng trồng, mã số đóng gói được đề nghị cấp với mục đích xuất khẩu thì các bước tiến hành thực hiện và báo cáo đề nghị cấp theo Hướng dẫn chi tiết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, ngoài ra đảm bảo các quy định hiện hành đối với thị trường xuất khẩu.

- Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá thiết lập vùng trồng cho việc cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói theo nhu cầu đăng ký của các tổ chức, cá nhân và đề xuất của địa phương trên toàn tỉnh theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, cấp giấy xác nhận mã số vùng trồng nếu đạt yêu cầu theo các quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 và Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Hướng dẫn chi tiết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang.

- Thời gian thực hiện: hàng năm.
- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Hội Nông dân; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Bảng 1. Diện tích canh tác lúa được cấp mã số vùng trồng giai đoạn 2024 - 2025

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Diện tích canh tác (ha)	Diện tích cấp mã số (ha)		Tổng đến năm 2025	
			Năm 2024	Năm 2025	Diện tích cấp mã số (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Long Xuyên	5.002	245	264	509	10
2	Châu Đốc	6.407	974	1.052	2.026	32
3	An Phú	14.052	2.632	2.840	5.472	39
4	Tân Châu	10.169	2.958	3.193	6.151	60
5	Phú Tân	23.545	3.766	4.064	7.830	33
6	Châu Phú	32.602	7.843	8.463	16.306	50
7	Tịnh Biên	17.261	4.234	4.569	8.804	51
8	Tri Tôn	41.731	8.024	8.659	16.683	40
9	Châu Thành	27.857	6.183	6.673	12.856	46
10	Chợ Mới	12.701	2.680	2.892	5.572	44
11	Thoại Sơn	38.121	10.321	11.138	21.459	56
Tổng cộng		229.448	9.861	3.807	103.668	45

Bảng 2. Diện tích canh tác cây ăn trái được cấp mã số vùng trồng giai đoạn 2024 - 2025

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Diện tích canh tác (ha)	Diện tích cấp mã số (ha)		Tổng đến năm 2025	
			Năm 2024	Năm 2025	Diện tích cấp mã số (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Long Xuyên	216	32	54	86	40
2	Châu Đốc	364	55	91	146	40
3	An Phú	2.077	415	623	1.038	50
4	Tân Châu	1.199	239	360	599	50
5	Phú Tân	520	78	130	208	40
6	Châu Phú	1.759	351	527	878	50
7	Tịnh Biên	2.194	438	658	1.096	50
8	Tri Tôn	1.507	226	377	603	40
9	Châu Thành	465	70	116	186	40
10	Chợ Mới	8.010	1.602	3.204	4.806	60
11	Thoại Sơn	739	111	185	296	40
Tổng cộng		19.050	3.617	6.325	9.942	52

Bảng 3. Diện tích canh tác cây rau màu được cấp mã số vùng trồng giai đoạn 2024 - 2025.

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Diện tích canh tác (ha)	Diện tích cấp mã số (ha)		Tổng đến năm 2025	
			Năm 2024	Năm 2025	Diện tích cấp mã số (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Long Xuyên	285	10	23	33	12
2	Châu Đốc	220	10	18	28	13
3	An Phú	1.615	65	129	194	12
4	Tân Châu	1.200	48	96	144	12
5	Phú Tân	1.000	40	80	120	12
6	Châu Phú	2.323	93	186	279	12
7	Tịnh Biên	453	18	36	54	12
8	Tri Tôn	965	39	77	116	12
9	Châu Thành	756	30	60	90	12
10	Chợ Mới	3.982	298	596	894	22
11	Thoại Sơn	512	20	41	61	12
Tổng cộng		13.311	671	1.342	2.013	15

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương; kiểm tra việc chấp hành các quy định về duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, các quy định về kiểm dịch thực vật tại vùng trồng đối với nước nhập khẩu.

- Nội dung kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 và Công văn số 1776/BNN-BVTV ngày 23/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo Hướng dẫn chi tiết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang.

- Thời gian thực hiện: hàng năm.

- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 lần/vụ (ngoài ra tùy thuộc từng loại cây trồng, nhóm sinh vật hại hoặc yêu cầu của thị trường xuất khẩu mà tần xuất có thể nhiều hơn/vụ).

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường, Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông – Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt, Trung tâm kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu 2, Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam.

1.3. Kiểm tra, kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm giám sát tại vùng trồng

- Lấy mẫu kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, trên quả tươi tại các vùng trồng xuất khẩu để kịp thời hướng dẫn sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm trong nước và của nước nhập khẩu.

- Số lượng mẫu: 100 mẫu/năm.
- Thời gian thực hiện: hàng năm (2024 - 2025).
- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.4. Đơn vị thực hiện cấp, quản lý, kiểm tra giám sát mã vùng trồng và cơ sở đóng gói

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) làm đầu mối hướng dẫn các tổ chức/cá nhân thiết lập vùng trồng, lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ liên kết tiêu thụ nội địa hoặc gửi cơ quan chuyên môn thẩm định, đề nghị cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ thị trường xuất khẩu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện cập nhật thông tin lên hệ thống phần mềm để quản lý mã số vùng trồng đã được cấp; trích xuất dữ liệu nhập vào phần mềm cấp, quản lý mã số vùng trồng của Cục Trồng trọt tại địa chỉ <http://csdltrongtrot.mard.gov.vn> và các phần mềm cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Công tác tuyên truyền và tập huấn về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

2.1. Xây dựng, phát hành bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện về mã số vùng và cơ sở đóng gói

Xây dựng tài liệu, cẩm nang, sổ tay hướng dẫn,... nhằm cung cấp các thông tin đầy đủ liên quan đến hướng dẫn thực hiện mã số vùng và cơ sở đóng gói theo quy định hiện hành; các quy định, hướng dẫn xuất khẩu chính ngạch của một số nước nhập khẩu quan trọng, các quy trình sản xuất đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn xuất khẩu và an toàn thực phẩm.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị phối hợp thực hiện: Sở Công Thương; Trung tâm Xúc tiến, Thương mại và Đầu tư, Hội Nông dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: năm 2024 - 2025.
- Số lượng: 1.000 quyển.

2.2. Tuyên truyền, truyền thông về việc quy định áp dụng mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

- Xây dựng chuyên mục, phóng sự tuyên truyền trên Đài Phát thanh và truyền hình An Giang, Báo An Giang, Đài phát thanh địa phương về nội dung các quy định một số nước nhập khẩu và quy trình sản xuất đối theo tiêu chuẩn gắn truy suất nguồn gốc trước và sau khi được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các Hội nghị chuyên đề và lồng ghép các hoạt động chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển ngành, kịp thời thông tin về những hiệu quả của việc cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, thuận lợi tiêu thụ sản phẩm nông sản, đặc biệt là mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Thời gian thực hiện: hàng năm.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Đài Phát thanh và truyền hình An Giang, Báo An Giang.

2.3. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói

- Tập huấn, phổ biến rộng rãi văn bản pháp luật, quy định việc thiết lập, quản lý, giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói cho cán bộ kỹ thuật chuyên trách; các THT/HTX và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, với các nội dung trọng tâm:

+ Các quy định, hướng dẫn thiết lập về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định, các nghị định thư, các quy định về kiểm dịch thực vật đối với hàng nhập khẩu.

+ Sử dụng thuốc Bảo vệ an toàn và hiệu quả, các quy định, biện pháp quản lý về ngưỡng cho phép dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật các thị trường xuất khẩu.

+ Các nội dung khác liên quan đến quy định tiêu chuẩn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm của các thị trường khó tính, các quy định về vùng trồng, cơ sở đóng gói đối với các thị trường đặc thù,...

+ Những tiến bộ khoa học mới trong phát triển vùng sản xuất nguyên liệu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh trong công tác quản lý vùng trồng.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo trang bị kiến thức cơ bản cho tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị sản phẩm để nâng cao năng lực có thể tự xây dựng kế hoạch, thực hiện và giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh đảm bảo truy xuất nguồn gốc, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và theo hướng hữu cơ (Organic).

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách đến cấp xã đủ năng lực quản lý, nhập liệu, xây dựng cơ sở dữ và giám sát duy trì mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chuyên môn của Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt.

- Cơ quan tham vấn: Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường, Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông - Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt, Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam.

- Thời gian thực hiện: thực hiện hàng năm theo kế hoạch.

Bảng 4. Kế hoạch tập huấn triển khai cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói giai đoạn năm 2024 - 2025

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Tổng số lớp tập huấn	Năm 2024			Năm 2025		
			Lúa	Cây ăn trái	Rau màu	Lúa	Cây ăn trái	Rau màu
1	Long Xuyên	6	1	1	1	1	1	1
2	Châu Đốc	9	2	1	1	3	1	1
3	An Phú	30	6	5	2	7	7	3
4	Tân Châu	25	7	3	1	8	4	2
5	Phú Tân	23	9	1	1	8	2	2
6	Châu Phú	50	18	4	2	15	6	5
7	Tịnh Biên	34	10	5	1	10	7	1
8	Tri Tôn	39	19	3	1	10	4	2
9	Châu Thành	35	12	2	2	16	1	2
10	Chợ Mới	64	6	18	8	7	20	5
11	Thoại Sơn	41	20	2	1	15	2	1
Tổng cộng		356	110	45	21	100	55	25

3. Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói

- Tăng cường và đổi mới các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản; mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói thông qua các hội chợ, hội nghị, diễn đàn thương mại xúc tiến đầu tư.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, các doanh nghiệp thực hiện các Chương trình xúc tiến thương mại trong thương mại điện tử, xây dựng trang web thương mại điện tử và đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch thương mại điện tử để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm đã được cấp mã số vùng trồng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý và phát triển thương hiệu cho các mặt hàng nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói của tỉnh.

- Thời gian thực hiện: 2024 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan liên quan.

4. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cấp mã số và phát triển vùng trồng và liên kết tiêu thụ, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và truy xuất nguồn gốc

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các vùng trồng và cơ sở đóng gói theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và theo hướng tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ (Organic), ứng dụng công nghệ trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Phối hợp các đơn vị chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện quy định và tổ chức cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên diện rộng đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản từ vùng trồng, cơ sở đóng gói được cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.

- Thời gian thực hiện: 2024 - 2025.

- Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch đầu tư, các đơn vị tham mưu chính sách có liên quan.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng của tỉnh

- Ứng dụng Công nghệ thông tin, lồng ghép các chương trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp trong việc triển khai thiết lập, quản lý cấp mã số vùng trồng, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng trên địa bàn toàn tỉnh (cơ sở dữ liệu của tỉnh phải đảm bảo tích hợp được với cơ sở dữ liệu do Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng để quản lý trên cả nước), xây dựng bản đồ số hóa về mã số vùng trồng cho các loại cây trồng chính, chủ lực trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công tác nhập liệu để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt).

+ Thời gian thực hiện: 2024 - 2025.

+ Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị chuyển đổi số có liên quan.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách đến cấp xã quản lý, nhập liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và giám sát duy trì mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Thời gian thực hiện: 2024 - 2025.

+ Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị chuyển đổi số có liên quan.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch và lồng ghép từ vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, từ các chương trình, dự án có liên quan và từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Căn cứ theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt và căn cứ nhiệm vụ được phân công thực hiện đề nghị các Đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình cấp thẩm quyền theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát, xây dựng kế hoạch thực hiện cho các năm; đánh và đề xuất kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

- Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn

tính theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong duy trì các điều kiện tại mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đảm bảo theo đúng quy định hiện hành; tăng cường thực hiện tuyên truyền, tập huấn và tổ chức thiết lập và quản lý về cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các vùng trồng và cơ sở đóng gói theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.

- Tham mưu xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch hành động phát triển kinh tế xã hội của địa phương trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành rà soát, lồng ghép các chương trình, đề tài, dự án gắn với việc thiết lập, quản lý, giám sát sản xuất tại các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác đầu tư, xúc tiến thương mại, xây dựng tài liệu hướng dẫn về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nhằm thúc đẩy tiêu thụ và xuất khẩu.

2. Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh

Hàng năm, xây dựng kế hoạch và bố trí bổ sung kinh phí, chủ động cùng phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hội thảo quảng bá, sản phẩm nông sản, sản phẩm quả tươi tại mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói; hội thảo chuyên đề về Xúc tiến, thương mại về các thị trường xuất khẩu tiềm năng, tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa trong và ngoài nước giai đoạn 2023 - 2025.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Bộ tài liệu: Sổ tay hướng dẫn sản xuất theo các quy định các thị trường, Cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu chính ngạch của một số nước nhập khẩu nông sản quan trọng, Hướng dẫn xây dựng thương hiệu; bổ sung, cập nhật các thông tin về quy định của một số nước nhập khẩu đối với mặt hàng trái cây,....

Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, UBND các tỉnh/thành phố ở ĐBSCL, TP.HCM... cập nhật, cung cấp thông tin dự báo thị trường, tình hình thông quan hàng hóa để các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ doanh nghiệp, HTX/THT điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất triển khai nội dung ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên toàn tỉnh và đảm bảo tích hợp với nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt) đã xây dựng.

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai lồng ghép nội dung Chương trình Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thiết lập, quản lý, cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên toàn tỉnh

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hàng năm, xây dựng kế hoạch và bổ sung kinh phí chủ động cùng phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp tổ chức hội nghị, quảng bá, đầu tư về sản phẩm được cấp mã số vùng trồng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

5. Sở Tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu kinh phí của các địa phương, cơ quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho các hoạt động thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn luật.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu,... đối với nông sản được sản xuất từ các vùng trồng, cơ sở đóng gói được cấp mã số.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

8. Hội Nông dân tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Lồng ghép vào các kế hoạch của Đoàn, Hội để tăng cường thực hiện tập huấn phổ biến, tuyên truyền, đến đoàn viên, hội viên nắm các quy định về việc thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói; Quy trình canh tác theo hướng sử dụng vật tư đầu vào tiết kiệm, an toàn và hiệu quả; Chương trình giám sát dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật, áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, ghi chép hồ sơ liên quan trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào chương trình, đề án, kế hoạch hành động phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực (nhân lực và tài chính) để triển khai thực hiện việc thiết lập, quản lý, kiểm tra, giám sát cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói trên địa bàn giai đoạn 2023 – 2025 theo nhiệm vụ được giao, nhằm phục vụ liên kết tiêu thụ tiêu thụ, xuất khẩu nông sản, xây dựng lộ trình xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng kế hoạch phát triển các vùng chuyên canh tập trung, xác định các đối tượng cây trồng ưu tiên cấp mã số vùng trồng theo điều kiện của địa phương, ổn định lâu dài và đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy hướng đến phát triển vùng trồng tạo sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường thực hiện tuyên truyền, tập huấn và tổ chức thiết lập và quản lý về cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định trên địa bàn; tập huấn về quy trình canh tác theo hướng sử dụng vật tư đầu vào tiết kiệm, an toàn và hiệu quả; thực hiện các chương trình giám sát dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật, áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, ghi chép và hoàn thiện các hồ sơ liên quan trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu; duy trì chất lượng của vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số và ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật, Cục Trồng trọt) xây dựng.

- Bố trí 01 lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế, 01 cán bộ làm đầu mối phụ trách và có phương án chuyển giao khi có sự thay đổi vị trí công tác để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và gửi danh sách về Sở Nông nghiệp và PTNT trong tháng 11/2023 để tổng hợp.

10. Báo An Giang, Đài Phát thanh và truyền hình An Giang

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan liên quan tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nắm bắt những quy định một số nước nhập khẩu và quy trình sản xuất đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu trước và sau khi được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu quả tươi trên địa bàn tỉnh.

11. Các cơ quan, đơn vị khác của tỉnh: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

12. Các Doanh nghiệp, tổ chức, hộ cá nhân sản xuất

- Chủ động xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng quy định của nước nhập khẩu. Đảm bảo luôn duy trì tình trạng đáp ứng quy định của nước nhập khẩu tại vùng trồng, cơ sở đóng gói.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý tại địa phương tổ chức tập huấn cho nông dân trong vùng nguyên liệu đảm bảo thực hiện đúng các quy định kỹ thuật.

- Tăng cường tuyên truyền cho hội viên, hộ gia đình tham gia sản xuất các quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đặc biệt là quy định Kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

- Chủ động có các biện pháp bảo vệ mã số của mình, kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý địa phương khi có thay đổi thông tin liên quan đến vùng trồng, cơ sở đóng gói hay khi phát hiện vi phạm liên quan đến sử dụng mã số để có biện pháp xử lý kịp thời.

13. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/5) và hàng năm (trước ngày 30/11 hàng năm) về kết quả triển khai thực hiện nội dung kế hoạch về Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Một số nội dung phân công thực hiện tại phụ lục kèm theo)./.

Phụ lục: Bảng phân công thực hiện Kế hoạch quản lý cấp, kiểm tra giám sát mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2025

Stt	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện thiết lập, cấp và kiểm tra, giám sát mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói			
1.1	Công tác thiết lập vùng trồng và cơ sở đóng gói	Sở Nông nghiệp và PTNT	- UBND Huyện, thị xã, Thành phố - VP Điều phối NTM	- Hàng năm - Theo nhu cầu đề nghị của tổ chức cá nhân cấp MSVT, CSDG - Theo kế hoạch của ngành nông nghiệp và địa phương
1.2	Công tác kiểm tra, giám sát Mã số vùng trồng và Cơ sở đóng gói	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND Huyện, thị xã, thành phố	- Hội Nông dân - UBND xã, phường, thị trấn	- Hàng năm - Theo kế hoạch Mã số vùng trồng đã được cấp ngành Nông nghiệp và địa phương - Theo yêu cầu đột xuất nước nhập khẩu
1.3	Kiểm tra, kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm giám sát tại vùng trồng	Sở Nông nghiệp và PTNT		
2	Công tác tuyên truyền và tập huấn về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói			
2.1	Xây dựng, phát hành bộ tài về liệu hướng dẫn thực hiện về Mã số vùng và Cơ sở đóng gói	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công Thương	
2.2	Tuyên truyền, truyền thông về việc quy định áp dụng mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói	Báo An Giang, Đài PTTHAG	- Sở Nông nghiệp và PTNT - Đài truyền thanh địa phương - Hội nông dân tỉnh - Liên minh HTX tỉnh	2024-2025
2.3	Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực về mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói	- Sở Nông nghiệp và PTNT - UBND Huyện, thị xã, thành phố	- Hội Nông dân tỉnh - Liên minh HTX tỉnh	- Hàng năm - Theo kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh và địa phương

Stt	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Phát triển thị trường và xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói			
3.1	Tăng cường và đổi mới các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản; mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói thông qua các hội chợ, hội nghị, diễn đàn thương mại, xúc tiến đầu tư.	Trung tâm Xúc tiến, thương mại và Đầu tư tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT - Hội Nông dân tỉnh - Liên minh HTX tỉnh 	2024-2025
3.2	Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, các doanh nghiệp thực hiện các Chương trình xúc tiến thương mại trong thương mại điện tử, xây dựng trang web thương mại điện tử và đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch thương mại điện tử để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm đã được cấp mã số vùng trồng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT - Trung tâm XTTMĐT tỉnh - Hội nông dân tỉnh - Liên minh HTX tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm - Theo kế hoạch Chương trình XTTM của tỉnh và địa phương
3.3	Đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý và phát triển thương hiệu cho các mặt hàng nông sản được cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và PTNT - Sở Công thương - Trung tâm Xúc tiến, thương mại và Đầu tư 	2024-2025
4	Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cấp mã số và phát triển vùng trồng và liên kết tiêu thụ, nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm và truy xuất nguồn gốc			
4.1	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các vùng trồng và cơ sở đóng gói theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và PTNT	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Công thương - Sở Tài chính - UBND Huyện, thị xã, Thành phố 	2024-2025
4.2	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và theo hướng tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ (Organic), ứng dụng công nghệ trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Công Thương - Sở Tài chính - UBND Huyện, thị xã, Thành phố 	2024-2025

Stt	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
4.3	Phối hợp các đơn vị chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoàn thiện quy định và tổ chức cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên diện rộng đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và PTNT	2023
4.4	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản từ vùng trồng, cơ sở đóng gói được cấp mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.	Sở Nông nghiệp và PTNT	- Sở Công Thương - UBND Huyện, thị xã, Thành phố	- Hàng năm - Theo kế hoạch Chương trình liên kết sản xuất tiêu thụ nông của tỉnh và địa phương.
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng của tỉnh			
5.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mã số vùng trồng trên địa bàn toàn tỉnh.	Sở Thông tin và truyền thông	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND Huyện, thị xã, Thành phố	2023-2025
5.2	Ứng dụng Công nghệ thông tin, lồng ghép các chương trình chuyển đổi số ngành nông nghiệp trong việc triển khai thiết lập, quản lý cấp mã số vùng trồng.	Sở Thông tin và truyền thông	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - Sở Khoa học và công nghệ	2024 - 2025
5.3	Xây dựng bản đồ số hóa về mã số vùng trồng cho các loại cây trồng chính, chủ lực trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và truyền thông	- Sở Nông nghiệp và PTNT; - Sở Tài nguyên và Môi trường;	2024
5.4	Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách đến cấp xã quản lý, nhập liệu, xây dựng cơ sở dữ và giám sát duy trì mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn toàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND Huyện, thị xã, Thành phố	2024 - 2025
5.5	Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công tác nhập liệu để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT xây dựng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	2024 - 2025